

BÁO CÁO

Công tác thanh tra; Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng, chống tham nhũng quý II năm 2019

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ quý II NĂM 2019

I. Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

1. Thanh tra, kiểm tra hành chính

Quý II năm 2019, không có.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành

2.1 Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra

Quý II năm 2019, Sở Công Thương đã triển khai, thực hiện 05 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, cụ thể:

- Tổng số cuộc thực hiện: 05 cuộc có thành lập đoàn, không có thanh tra, kiểm tra độc lập.

- Số đối tượng được thanh tra, kiểm tra: 81 đơn vị (hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm, rượu; kinh doanh xăng dầu...)

2.2 Kết quả thanh tra, kiểm tra

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về sản xuất, kinh doanh rượu đối với 24 cơ sở sản xuất rượu thủ công trên địa bàn TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, TX Hồng Ngự; và huyện Lấp Vò, với kết quả cụ thể như sau:

+ 08/24 cơ sở nghỉ hoạt động.

+ 05/24 cơ sở thực hiện đúng quy định.

+ 11/24 cơ sở chưa thực hiện đúng quy định. Đoàn kiểm tra nhắc nhở các đơn vị khắc phục những tồn tại, thiếu sót theo quy định.

- Kiểm tra tình hình thực hiện giá bán điện theo quy định đối với 15 đơn vị cho thuê nhà ở trong việc áp giá bán lẻ điện cho sinh viên, người lao động thuê nhà ở trên địa bàn TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, TX Hồng Ngự và huyện Thanh Bình. Kết quả kiểm tra, hầu hết các đơn vị đều thực hiện đúng quy định.

- Kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về kinh doanh xăng dầu đối với 12 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2019. Nhìn chung, các đơn vị đều chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh xăng dầu. Bên cạnh đó vẫn còn một số vấn đề tồn tại như: cán bộ quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu không có hoặc có nhưng hết thời hạn hiệu lực các chứng chỉ nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, chứng chỉ bảo vệ môi trường; GCNĐĐK hết thời hạn hiệu lực:

+ Đối với các vi phạm về trình độ nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu, trong lần đầu phát hiện vi phạm, Đoàn kiểm tra đã tiến hành lập biên bản yêu cầu các đơn vị vi phạm cam

kết khắc phục và hầu hết các đơn vị đã khắc phục theo cam kết. Riêng đối với 02 cửa hàng là DNTN Hùng Hiếu và DNTN Văn Tâm đã không khắc phục vi phạm trong thời hạn cam kết nên Thanh tra Sở đã tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Cụ thể, Thanh tra Sở đã ban hành 02 quyết định xử phạt với tổng số tiền phạt là 3.000.000 đồng.

+ Đối với 02 trường hợp vi phạm về việc GCNĐĐK hết thời hạn hiệu lực đều thuộc diện đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh cho chủ trương gia hạn GCNĐĐK đến ngày 31/12/2019. Vì vậy, Sở Công Thương chưa tiến hành xử lý vi phạm hành chính đối với 02 trường hợp trên, chờ chủ trương của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Kiểm tra việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (theo Quyết định 06/2017/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của UBND tỉnh ĐT) đối với phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện Hồng Ngự, Tháp Mười, Châu Thành và Lai Vung. Kết quả kiểm tra, các đơn vị đều thực hiện đúng theo quy định.

- Kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2019 đối với 26 cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương trên địa bàn TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, TX Hồng Ngự, huyện Lai Vung và Tam Nông, với kết quả cụ thể như sau:

+ 13/26 cơ sở thực hiện đúng quy định;

+ 05/26 cơ sở chưa thực hiện đúng quy định (thủ tục hồ sơ đã hết hạn hoặc chưa có đủ theo quy định). Đoàn kiểm tra đã tiến hành lập biên bản yêu cầu các đơn vị vi phạm cam kết khắc phục những thiếu sót theo quy định;

+ 08/26 cơ sở nghỉ hoạt động.

2.3 Thanh tra Sở tham gia kiểm tra: 01 cuộc, cụ thể:

Tình hình thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2019 (10 cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm).

3. Đánh giá, nhận xét

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra quý II năm 2019 đảm bảo theo kế hoạch được duyệt.

II. Kết quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1. Kết quả thực hiện

1.1 Tiếp công dân:

Sở Công Thương luôn duy trì và thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân tại trụ sở làm việc định kỳ và đột xuất theo đúng quy định của pháp luật và quy chế tiếp công dân của Sở. Trong quý II năm 2019, tại Sở thực hiện một lượt tiếp công dân, cụ thể: một lượt của ông Bùi Hoài Biểu (An Nhơn, huyện Châu Thành, Đồng Tháp) về việc tố cáo công ty Thiên Ngọc Minh Uy có hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản

Kết quả làm việc trao đổi, các đương sự thống nhất xin rút lại đơn và được Sở Công Thương hướng dẫn công dân liên hệ cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định.

Nhìn chung, việc tiếp nhận và xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người dân được kịp thời và đúng theo trình tự, thủ tục quy định.

1.2 Xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

a. Tiếp nhận

Tổng số đơn tiếp nhận trong kỳ: **02 đơn**.

b. Kết quả xử lý đơn phản ánh, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nhận được

- 01 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết. Đơn đã được Sở Công Thương trả lại và hướng dẫn đương sự liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết, cụ thể: đơn tố cáo công ty Thiên Ngọc Minh Uy có hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản thông qua hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ sức khỏe.

- 01 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết. Sở Công Thương có văn bản trả lời cho các đương sự biết, thực hiện, cụ thể: đơn kiến nghị của ông Nguyễn Thanh Tươi (DNTN xăng dầu Hữu Phát - Khóm 1, phường 11, TP Cao Lãnh) đề nghị xem xét lại việc áp dụng công văn 1921/SCT-QLTL ngày 24/12/2018 của Sở Công Thương.

2. Dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Tình hình khiếu nại, tố cáo quý III năm 2019 sẽ không có diễn biến phức tạp so với quý II năm. Tuy nhiên, Sở Công Thương luôn chủ động, giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có), đồng thời, tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, bộ phận thuộc Sở thực hiện đúng các quy định pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại theo tinh thần Công văn số 467/TTr-VP ngày 02/8/2017 và Công văn số 121/TTr-VP ngày 07/02/2018 của Thanh tra Tỉnh tránh tình trạng đơn giải quyết kéo dài, đơn tồn đọng hay đơn khiếu nại đông người phát sinh điểm nóng.

III. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở Công Thương

a. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Sở Công Thương thường xuyên nhắc nhở, yêu cầu cán bộ công chức nghiêm túc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí thông qua các cuộc họp giao ban, đồng thời chỉ đạo các đoàn thể (Công đoàn + Chi đoàn) thường xuyên kết hợp chính quyền tổ

chức tuyên truyền, phổ biến để thông báo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong tháng và triển khai chương trình công tác tháng tới. Cụ thể:

Trong quý II năm 2019, Sở đã triển khai thực hiện các văn bản như: Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chương trình hành động số 150-CTr/TU ngày 30/10/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí”; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện công tác PCTN đến năm 2020; Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 12/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện công tác nội chính và PCTN đến năm 2020; Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019; Kế hoạch số 135-KH/TU ngày 09/01/2019 của Tỉnh ủy về công tác nội chính và phòng chống tham nhũng năm 2019; Công văn số 16/UBND-NC ngày 23/01/2019 của UBND Tỉnh về việc thực hiện công tác nội chính và phòng chống tham nhũng; Chỉ đạo tiếp tục thực hiện của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại Công văn số 490/VPCP-TKBT về thực hiện kết luận tại cuộc làm việc của lãnh đạo chủ chốt tháng 02/2019 của Văn phòng Chính phủ...

b. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng

Sở chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện công tác phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị mình. Kết quả quý II năm 2019, Sở đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 132/KH-SCT ngày 23/01/2019 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018 của Sở Công Thương Đồng Tháp. Trên cơ sở đó, các bộ phận, đơn vị trực thuộc Sở xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

c. Tình hình, tổ chức, bộ máy, phân công tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng

Sở Công Thương giao trách nhiệm cho Thanh tra Sở làm đầu mối và giúp lãnh đạo Sở trong thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của Sở Công Thương.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a. Việc công khai minh bạch trong hoạt động

Sở thường xuyên, cập nhật, rà soát kiến nghị sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính cho phù hợp văn bản pháp luật mới ban hành, cụ thể: 130 thủ tục ở các

lĩnh vực thương mại, điện...; đồng thời thường xuyên cập nhật, công khai niêm yết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý ngành trên cổng thông tin và tại trụ sở cơ quan, tạo điều kiện cho tổ chức, công dân thực hiện và giám sát thực hiện;

Thực hiện công khai minh bạch trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản cơ quan (thông qua hội nghị công chức hàng năm); trong chi trả lương tháng (thẻ ATM); điều động, bổ nhiệm, khen thưởng... tạo điều kiện cho công chức, viên chức và Ban Thanh tra nhân dân giám sát.

b. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Sở Công Thương đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-SCT ngày 21/01/2019. Qua đó nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí hoạt động cơ quan và trong công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng của cơ quan đơn vị.

c. Việc tặng quà và nhận quà tặng

Sở đã tiếp tục triển khai, quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng theo Quyết định số: 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Trong quý II năm 2019, không phát hiện trường hợp vi phạm.

d. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương và Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 191/QĐ-SCT ngày 02/11/2016 về việc Quy định về chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử và văn hóa công sở tại Sở Công Thương Đồng Tháp.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 117/QĐ-SCT ngày 11/8/2014 về việc ban hành Quy trình tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo.

Kết quả, có nhiều chuyển biến tốt trong phong cách, lề lối làm việc, tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ của công chức, viên chức được nâng lên.

đ. Việc chuyển đổi vị trí công tác

Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định về danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức và Nghị định số 150/2013 ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 158. Qua đó, Sở Công Thương xây dựng Kế hoạch số 128/KH-SCT ngày 23/01/2019 về việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc Sở Công Thương theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

e. Minh bạch tài sản, thu nhập

Triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả việc kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018 đúng theo quy định. Kết quả đối tượng công chức, viên chức thuộc diện kê khai minh bạch tài sản thu nhập là 39 người.

f. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để xảy ra tham nhũng

Trong quý II năm 2019, Sở Công Thương chưa phát hiện và xử lý vi phạm.

g. Việc thực hiện cải cách hành chính

Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-SCT ngày 04/01/2019 về cải cách hành chính, Kế hoạch số 21/KH-SCT ngày 04/01/2019 Kiểm soát thủ tục hành chính và truyền thông về kiểm soát thủ tục hành chính, Kế hoạch số 148/KH-SCT ngày 25/01/2019 Rà soát thủ tục hành chính, Kế hoạch số 296/KH-SCT ngày 28/02/2019 Áp dụng, duy trì, cải tiến và chuyển đổi ISO 9001:2015, Kế hoạch số 297/KH-SCT ngày 28/02/2019 tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019, Kế hoạch số 298/KH-SCT ngày 28/02/2019 Cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC năm 2019 nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện TTHC của tổ chức, cá nhân.

h. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan

Sở Công Thương đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 cho tất cả các khâu có liên quan đến yêu cầu của công dân, nhằm giải quyết công việc nhanh, kịp thời và đúng theo yêu cầu của công dân, tổ chức.

i. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

Thực hiện việc trả lương 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở qua tài khoản thẻ ATM.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

Quý II năm 2019, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng gắn với công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kết quả Sở Công Thương chưa phát sinh các dấu hiệu tham nhũng hoặc tiêu cực nào xảy ra.

4. Phát huy vai trò của xã hội

Sở Công Thương luôn tôn trọng và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản ánh của công dân, tổ chức về những vấn đề có liên quan đến công chức, viên chức thuộc Sở quản lý; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm hoặc phối hợp xử lý các hiện tượng có dấu hiệu tham nhũng.

5. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020

Sở tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 589/SCT-TTr ngày 02/10/2009 thực hiện chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 của Chính phủ. Hàng năm, Sở Công Thương cũng đã xây dựng và ban hành kế hoạch về thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng và triển khai thực hiện đến các cán bộ công chức và các đơn vị thuộc Sở theo kế hoạch đề ra. Kết quả Sở đã thực hiện tốt theo kế hoạch đã đề ra.

6. Đánh giá tình hình tham nhũng. Trong quý II năm 2019, Sở Công Thương không có cán bộ, công chức, viên chức tham nhũng.

7. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được Sở Công Thương quan tâm quán triệt, tuyên truyền, giáo dục đến cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời phát huy tính giám sát của các đoàn thể, thanh tra nhân dân của Sở, nên công tác phòng, chống tham nhũng tại Sở Công Thương từng bước đi vào nề nếp và đạt được hiệu quả cao.

8. Dự báo tình hình tham nhũng

Tình hình tham nhũng có thể xảy ra ở những cơ quan, đơn vị thuộc Sở và trong thi hành công vụ như: nhận và trả kết quả, thẩm định cấp phép, thanh tra,...

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG QUÝ II NĂM 2019 VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Công tác thanh tra

1. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm.

Thực hiện thanh tra trách nhiệm đối với các đơn vị thuộc Sở trong việc thực hiện pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành

- Thanh tra, kiểm tra theo chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương:

+ Việc cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm (theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh ĐT);

+ Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ thực hiện mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2018;

+ Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp của Tỉnh năm 2018;

- Tham gia làm thành viên các đoàn kiểm tra:

+ Công tác phòng, chống thiên tai và an toàn điện;

+ Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án an toàn điện và tiêu chí số 4 về điện nông thôn;

+ Thẩm tra, kiểm tra quyết toán Ngân sách nhà nước;

+ Kiểm tra công tác kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính;

+ Việc tuân thủ các quy định pháp luật về công tác quản lý an toàn thuộc lĩnh vực Công Thương;

+ Việc tuân thủ các quy định về quản lý an toàn hóa chất.

- Thực hiện tốt các cuộc thanh tra, kiểm tra theo chỉ đạo cấp trên hoặc phối hợp các đơn vị có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Sở khi có yêu cầu.

- Ngoài kế hoạch thanh tra, kiểm tra trên các đơn vị trực thuộc Sở còn tự kiểm tra tại cơ quan đơn vị mình về các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, hoạt

động quản lý tài chính, tài sản... Chủ động phòng ngừa, phát hiện và có biện pháp xử lý đúng đắn theo quy định của pháp luật.

II. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

1- Sở Công Thương tiếp tục duy trì công tác tiếp công dân theo quy định;

2- Phần đầu xử lý và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền và đúng thời gian quy định.

3- Thực hiện tốt các biện pháp nhằm ngăn ngừa và phát sinh các điểm nóng có thể xảy ra trên lĩnh vực công thương.

III. Công tác phòng, chống tham nhũng

1- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, quán triệt và thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn Luật đến tất cả công chức, viên chức thuộc Sở Công Thương nhằm góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trong thời gian tới.

2- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp gắn với cuộc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực, ý thức trách nhiệm trong công tác.

3- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản do Sở Công Thương tham mưu và ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan.

4- Tăng cường công tác chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở trong việc triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải cách hành chính; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị thuộc Sở.

5- Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan chức năng và quần chúng nhân dân trong việc phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác đối với công chức, viên chức thuộc Sở.

6- Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng quý II năm 2018 của Sở Công Thương./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dũng

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ CÔNG THƯƠNG

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG QUÝ II NĂM 2019
(Kèm theo báo cáo số 879 /SCT-TTr ngày 07/6/2019 của Sở Công Thương)

| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
|-----------|---|----------------|----------------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | | |
| 01 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 00 |
| 02 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 00 |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | |
| 03 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Lượt người | 00 |
| 04 | Số lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | Lớp | 00 |
| 05 | Số lượng đầu sách, tài liệu về PCTN được xuất bản | Cuốn | 00 |
| | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG | | |
| | <i>Công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị</i> | | |
| 06 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch | CQ,TQ,ĐV | 00 |
| 07 | Số cơ quan, tổ chức bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động | CQ,TQ,ĐV | 00 |
| | <i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i> | | |
| 08 | Số văn bản quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được ban hành mới | Văn bản | 01 |
| 09 | Số văn bản quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn bị huỷ bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung | Văn bản | 00 |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Cuộc | 00 |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện, xử lý | Vụ | 00 |
| 12 | Số người bị phát hiện vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Người | 00 |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật | Người | 00 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự | Người | 00 |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 00 |

| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
|-----------|---|----------------|----------------|
| 16 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 00 |
| 17 | Số người nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 00 |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại | Triệu đồng | 00 |
| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
| | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i> | | |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ công chức | CQ,TC,ĐV | 00 |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 00 |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 00 |
| | <i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i> | | |
| 22 | Số người được xác minh kê khai tài sản, thu nhập | Người | 39 |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực | Người | 00 |
| | <i>Trách nhiệm của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng</i> | | |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| 26 | Số người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| | <i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i> | | |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính | CQ,TC,ĐV | 01 |
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc | % | 100 |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG | | |
| | <i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i> | | |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Vụ | 00 |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra nội bộ | Người | 00 |
| | <i>Qua hoạt động thanh tra</i> | | |
| 31 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác thanh tra | Vụ | 00 |

| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
|-----------|---|----------------|----------------|
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra | Người | 00 |
| | <i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i> | | |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết các cơ quan, tổ chức | Đơn | 00 |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc được giải quyết | Đơn | 00 |
| 35 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | 00 |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 00 |
| | <i>Qua công tác điều tra tội phạm</i> | | |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 00 |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 00 |
| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
| | XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG | | |
| 39 | Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử | Vụ | 00 |
| 40 | Số đối tượng tham nhũng bị kết án tham nhũng | Người | 00 |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng | Người | 00 |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng | Người | 00 |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng | Người | 00 |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặt biệt nghiêm trọng | Người | 00 |
| 45 | Số vụ, việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | 00 |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| 47 | Số vụ, việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | 00 |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | 00 |
| | <i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i> | | |
| 49 | + Bằng tiền | Triệu đồng | 00 |
| 50 | + Đất đai | M ² | 00 |

| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
|-----------|--|----------------|----------------|
| | <i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i> | | |
| 51 | + Bằng tiền | Triệu đồng | 00 |
| 52 | + Đất đai | M ² | 00 |
| | <i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i> | | |
| 53 | + Bằng tiền | Triệu đồng | 00 |
| 54 | + Đất đai | M ² | 00 |
| | <i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i> | | |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù | Người | 00 |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen thưởng, trong đó: | Người | 00 |
| | + Tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ | | |
| | + Tặng bằng khen của Bộ, ngành, địa phương | | |
| | + Tặng Giấy khen | | |
| 57 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng | Người | 00 |
| 58 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| 59 | Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định tại Nghị định số 90/2013/NĐ-CP | Đơn | 00 |
| 60 | Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình | Đơn | 00 |
| 61 | Số đơn yêu cầu đã được giải trình | Đơn | 00 |